

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **233/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Về việc: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Nguyễn Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1000/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trung D** – sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Thu H** – sinh năm 1971 (vắng mặt);

Nơi cư trú: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung D trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, ông Nguyễn Trung D và bà Lê Thị Thu H đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/92, quyền số 66 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/12/1992.

Vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn từ chuyện mua nhà nên vợ chồng giận nhau. Sau đó, bà Lê Thị Thu H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2017, đến tháng 6/2020 bà Lê Thị Thu H quay về sinh sống bình thường. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nay ông Nguyễn Trung D nhận thấy tình cảm vợ chồng với bà Lê Thị Thu H đã lạnh nhạt, không còn yêu thương nhau, không thể hàn gắn

chung sống với nhau được. Do đó, ông Nguyễn Trung D yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Trung D và bà Lê Thị Thu H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T – sinh năm 1993 và Nguyễn Lê Quang V - sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/10/2020, bà Lê Thị Thu H trình bày:

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, bà Lê Thị Thu H đồng ý với phần trình bày của ông Nguyễn Trung D.

Vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Do tự ái, nên bà Lê Thị Thu H bỏ về nhà cha mẹ ruột tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và chờ ngày ông Nguyễn Trung D qua đón về. Tuy nhiên, ông Nguyễn Trung D không đến đón nên đến giữa năm 2020 bà Lê Thị Thu H quay về nhà chồng. Trong thời gian ly thân, bà Lê Thị Thu H có nhiều lần gọi điện thoại nhưng ông Nguyễn Trung D không nhận cuộc gọi, nên bà Lê Thị Thu H không lần nào về thăm ông D và cha mẹ chồng. Nay bà Lê Thị Thu H nhận thấy còn tình cảm với ông D và có thể hàn gắn chung sống với nhau được. Do đó, bà Lê Thị Thu H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Trung D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Trung D và bà Lê Thị Thu H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T – sinh năm 1993 và Nguyễn Lê Quang V - sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ trở về chung sống với nhau nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Trung D yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Thu H là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/10/2020 bà Lê Thị Thu H có mặt và trình bày ý kiến, nhưng không đồng ý ký tên sau khi kết thúc biên bản. Từ đó, Tòa án đã mời Kiểm sát viên tham gia chứng kiến nội dung phiên họp. Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Lê Thị Thu H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung D và bà Lê Thị Thu H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01/92, quyền số 66 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/12/1992 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trung D yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Trung D xác định năm 2017 phát sinh mâu thuẫn từ chuyện mua nhà nên vợ chồng giận nhau. Sau đó, bà Lê Thị Thu H về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2017 đến tháng 6/2020 quay về sinh sống bình thường. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân. Nay ông Nguyễn Trung D nhận thấy tình cảm vợ chồng với bà Lê Thị Thu H đã lạnh nhạt, không còn yêu thương nhau, không thể hàn gắn chung sống với nhau được. Do đó, ông Nguyễn Trung D yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thu H. Bà Lê Thị Thu H xác định do tự ái nên đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và do ông Nguyễn Trung D không đến đón nên bà Lê Thị Thu H không về. Tuy nhiên, bà Lê Thị Thu H nhận thấy còn tình cảm với ông Nguyễn Trung D và xác định có thể hàn gắn chung sống với nhau được. Do đó, bà Lê Thị Thu H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Trung D.

[5] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, vợ chồng ông Nguyễn Trung D và bà Lê Thị Thu H đã trải qua thời gian dài không chung sống với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, quan tâm đến nhau, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung D đối với bà Lê Thị Thu H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung D được ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

3. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Nguyễn Trung D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 08/10/2020, ông Nguyễn Trung D đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0076393 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân